

Hội chứng tập đoàn kinh tế

PGS.TS. TRẦN NGỌC THƠ



Tập đoàn kinh tế VN được nhân bản vô tính ngay để trở thành hàng loạt người khổng lồ chân đất sét và được đem ra đường đấu với các thách thức. Thành công hay không thì chưa biết chắc nhưng có điều rủi ro thì quá lớn. Xét theo quan điểm kinh tế, đây là quyết định không khôn ngoan. Vậy thì hãy nên cân nhắc kỹ lại lời khuyên: Nếu quá bức xúc, chỉ nên hình thành một hoặc tối đa là hai tập đoàn thí điểm mà thôi và hãy tỉnh táo lại trước khi quá muộn bởi hội chứng tập đoàn.

Mở đầu

Sau mười năm kể từ khi Thủ tướng có Quyết định 91 về việc thí điểm thành lập các tổng công ty (TCT) theo mô hình tập đoàn kinh doanh, đã có 18 TCT được thành lập trong thời gian này và đã đạt được những kết quả nhất định. Các TCT 91 chính là lực lượng doanh nghiệp có quy mô lớn nhất VN, nắm giữ phần lớn vốn nhà nước trong các doanh nghiệp và chiếm tới 70% tổng thu ngân sách của toàn bộ khu vực DNNN và đã trở thành công cụ điều tiết vĩ mô khá hiệu quả của nhà nước, chiếm tỷ trọng lớn trong thị trường nội địa như than (97%), điện (94%)...

Tuy nhiên, quá trình hoạt động của các TCT này cũng đã bắt đầu bộc lộ rõ những hạn chế. Các thành viên được hình thành dựa trên các quyết định hành chính, nên thực chất quá trình hình thành TCT là quá trình "thu gom" các doanh nghiệp đã tồn tại trước đó có cùng ngành nghề lĩnh vực, sản phẩm đối tượng khách hàng và thị trường. Đồng thời hội đồng quản trị cũng có vai trò rất mờ nhạt, thực chất chỉ là cấp trung gian giữa tổng giám đốc và cấp trên, chưa có quyền chủ động

nên chưa đảm bảo thể hiện được vai trò của bộ máy hoạch định chiến lược cho toàn TCT.

Bên cạnh đó, cũng vì mối liên kết TCT và các doanh nghiệp thành viên là từ các văn bản hành chính nên quan hệ giữa hai đối tượng này là quan hệ cấp trên cấp dưới và quan hệ xin cho, chưa phải là quan hệ giữa người đầu tư và doanh nghiệp được đầu tư, chưa dựa trên quan hệ phân phối lợi ích. Và khi TCT không phải là người đầu tư vốn cho các đơn vị thành viên, không có sự phối hợp về tài chính với các doanh nghiệp thành viên do đa số là hạch toán độc lập, thì vai trò của "người cầm đầu" của TCT sẽ rất yếu. Thực tế là trong số 18 TCT 91 đã được thành lập và hoạt động, rất ít TCT làm tốt được vai trò phân công sản xuất điều phối tài chính giữa các đơn vị thành viên, dẫn đến hiệu quả hoạt động chung của các TCT chưa cao.

Phải chăng để giải quyết những bất cập đó, lối thoát duy nhất là chuyển các TCT thành tập đoàn kinh tế (TĐKT)?

Hay là chúng ta quan niệm rằng một khi cánh cổng WTO mở rộng, cánh cổng thị trường VN cũng mở theo. Để

đối đầu với các TĐKT nước ngoài, VN phải có một lực lượng TĐKT tương tự để "nghênh đón"?

Quá trình hình thành các tập đoàn này đang được tiến hành gấp rút. Đã bắt đầu xuất hiện hội chứng tập đoàn, khi có 6/18 TCT thí điểm chuyển đổi sang mô hình tập đoàn, đó là TCT Bưu chính viễn thông, TCT Xi măng, TCT Điện lực, TCT Dầu khí, TCT Than, TCT Dệt may. Thế nhưng, tập đoàn kinh tế là gì có đơn giản là một bài toán cộng kiểu "nông dân A + nông dân B + ... + nông dân N = tập đoàn sản xuất" hay không?

Mô hình tập đoàn kinh tế

Trong một TĐKT, các công ty liên kết với nhau thông qua nhiều dạng và vì nhiều lợi ích nhưng thông thường các công ty liên kết với nhau vì mục tiêu lợi nhuận và dựa vào nhau để có chung lợi ích và để cạnh tranh với các đối thủ bên ngoài. Như vậy, điểm nhấn đầu tiên là không tồn tại các công ty hoạt động công ích trong mô hình TĐKT, các công ty hoạt động công ích và không vì mục tiêu lợi nhuận không có khả năng liên kết được với các công ty khác để cạnh tranh

Nhấn mạnh điều này để thấy rằng: một số TĐKT của VN, mà tập đoàn bưu chính viễn thông là một ví dụ, đã tự mang thêm cho mình sứ mệnh gánh vác các doanh nghiệp hoạt động công ích lẫn lộn với các doanh nghiệp kinh doanh.

Trong mỗi liên kết "kinh doanh", các công ty có những mối quan hệ như sau: (1) quan hệ về sở hữu với nhau; (2) quan hệ về uy tín, thương hiệu và thương mại để tiêu thụ sản phẩm; (3) quan hệ về công nghệ để có cùng với nhau công nghệ dây chuyền liên hoàn; (4) quan hệ về thị trường, cả thị trường đầu vào và thị trường đầu ra; và (5) quan hệ để cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong thực tế có rất nhiều dạng liên kết rất phức tạp trong mô hình tập đoàn, nhưng vẫn có một số dạng liên kết khá phổ biến là liên kết ngang, liên kết dọc và liên kết đa ngành, đa lĩnh vực.

Trong mỗi liên kết ngang có các dạng:

- Liên kết giữa các DN cùng ngành
- Chủ yếu dùng để hình thành liên kết chống lại sự thôn tính và cạnh tranh của DN hoặc hàng hóa bên ngoài.

- Công ty mẹ thực hiện chức năng quản lý, điều phối và định hướng chung cho cả tập đoàn, đồng thời trực tiếp kinh doanh những dịch vụ, khâu liên kết chính của tập đoàn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty con hoạt động (xuất nhập khẩu nguyên liệu, sản phẩm chính; nghiên cứu khoa học; nắm giữ và cung cấp các trang thiết bị, dịch vụ quan trọng, hoạt động kinh doanh tài chính).

- Các công ty con có thể được tổ chức phân công chuyên môn hóa và phối hợp để sản xuất ra sản phẩm hoàn chỉnh theo đặc thù công nghệ của ngành.

Trong mỗi liên kết dọc có các dạng:

- Liên kết giữa các DN khác nhau nhưng có liên quan chặt chẽ về công nghệ, tạo thành một liên hợp sản xuất - kinh doanh - thương mại hoàn chỉnh.

- Công ty mẹ là công ty có tiềm lực kinh tế mạnh nhất, nắm giữ các bộ phận then chốt nhất trong dây chuyền công nghệ, đồng thời thực hiện chức năng quản lý, điều phối và định hướng chung cho cả tập đoàn.

Còn trong mỗi liên kết hỗn hợp đa ngành, đa lĩnh vực lại có các dạng:

- Liên kết các DN trong nhiều ngành, nghề và lĩnh vực, có mối quan hệ

chặt chẽ về tài chính.

- Công ty mẹ không nhất thiết trực tiếp sản xuất kinh doanh mà chủ yếu làm nhiệm vụ đầu tư, kinh doanh vốn; điều tiết, phối hợp kinh doanh bằng chiến lược, kế hoạch phát triển, kinh doanh thống nhất.

TĐKT còn là một họ các công ty liên kết với nhau bằng nhiều mối quan hệ trên nguyên tắc tự nguyện và dựa trên những nguyên lý thị trường. Trong một tập đoàn có thể có một số các công ty mẹ - con (gia đình công ty) hoặc là nhiều gia đình công ty liên kết thành tập đoàn. Như vậy một công ty có thể giữ vai trò là mẹ của một số công ty con nhưng bản thân chúng có thể là con của một công ty khác. Tương tự như vậy, một công ty có thể vừa là con của một công ty mẹ và đồng thời lại là mẹ của một số công ty khác. Các công ty con có thể đầu tư lẫn nhau và đầu tư vào công ty mẹ qua thị trường chứng khoán.

Xét trong một nhóm các công ty nào đó thì quan hệ mẹ - con giữa các công ty thường được chia ra thành công ty bậc 1, là công ty mẹ lớn nhất có tầm ảnh hưởng chi phối đến toàn bộ các công ty trong tập đoàn. Tiếp theo là các công ty con bậc 2 là những công con của công ty bậc 1 và công ty bậc 3 là con của công ty bậc 2. Công ty bậc 1 trong tập đoàn A có thể lại là công ty con trong tập đoàn B. Những kiểu liên kết như thế này còn được gọi là liên kết theo kiểu mạng nhện do tính chất phức tạp và chằng chịt trong các mối quan hệ ngang và quan hệ dọc trong TĐKT.

Trong các mối quan hệ này, công ty mẹ có thể là (1) các công ty mẹ quyền lực (2) công ty mẹ sở hữu vốn (3) công ty mẹ công nghệ (4) công ty mẹ thị trường (5) và những dạng công ty mẹ khác nữa chi phối từng lĩnh vực thế mạnh khác nhau hoặc chi phối từng nhóm công ty khác nhau. Nói cách khác, các mô hình chi phối trên được hình thành một cách hết sức tự nhiên thông qua các quá trình tái cấu trúc lại các công ty từ các vụ hợp nhất, sáp nhập, mua lại hoặc là giải thể công ty. Chính vì thế quyền lực của công ty mẹ được thể hiện trong điều lệ của công ty con và hoàn toàn không có mệnh lệnh hành chính trong các mối quan hệ giữa mẹ và con.

Hiện nay các nhà hoạch định chính sách thường dựa vào mô hình TĐKT của

Trung Quốc để biện minh và làm mẫu hình cho các mô hình tập đoàn ở VN. Những viện dẫn cho rằng VN cũng giống với Trung Quốc, do đặc điểm của mình, phải hình thành tập đoàn bắt đầu bằng cách thu gom các doanh nghiệp trong cùng một ngành lại với nhau. Nhưng có điều ta quên rằng Trung Quốc có một điều mà VN hiện nay chưa có, đó là các thể chế đồng bộ đã được ban hành nhằm tạo điều kiện cho các tập đoàn phát triển theo những mô hình tập đoàn của những nền kinh tế thị trường. Lấy ví dụ gần đây nhất, cả nước Mỹ đã phải "sốc" khi tập đoàn quốc gia dầu khí của Trung Quốc (CNOCC) trả giá cao hơn con số 16,5 tỷ USD do Chervon, một công ty dầu khí số một của Mỹ đưa ra, để giành quyền mua lại quyền sở hữu của công ty dầu khí Unocal. Các thể chế pháp lý của Trung Quốc đã tạo điều kiện để cho chính bản thân các tập đoàn nước mình thỏa thuận với chính phủ và các công ty nước ngoài để tiến hành các quá trình mua lại, hợp nhất và sáp nhập nhằm hình thành các tập đoàn với đầy đủ nhất ý nghĩa của mô hình TĐKT.

Chính vì các quá trình hình thành tập đoàn diễn ra theo đúng quy luật tự nhiên, nên có một đặc điểm chung thường thấy trong mô hình tập đoàn: Đó là khó có thể tìm thấy cụ thể một doanh nghiệp nào được xem như là đại diện cho tập đoàn. Chỉ có bộ máy quản lý điều hành chung thông qua hình thức của một hội đồng quản trị chung của tập đoàn và một bộ máy là văn phòng làm việc do các công ty (không phân biệt địa chỉ cư trú) cử người tham gia. Như vậy khái niệm tập đoàn không giống như cái mà mọi người thường nhầm lẫn và hiểu chưa đầy đủ về chúng. TĐKT cũng có thể không là một pháp nhân, và cũng có thể là một pháp nhân độc lập giống như là một hiệp hội các doanh nghiệp nhưng là một hiệp hội đa ngành nghề. Thường khi đề cập đến tập đoàn, người ta thường ám chỉ đến một hiệp hội ngành nghề với rất nhiều công ty kinh doanh đa ngành nghề và có quy mô vốn khổng lồ.

...Đến mô hình tập đoàn kinh tế VN

TĐKT ở các quốc gia trên thế giới đều được hình thành một cách hết sức tự nhiên từ quá trình tái cấu trúc thông qua các vụ hợp nhất, sáp nhập, thôn tính, mua lại và giải thể công ty với mục đích



là sau đó tất cả cùng làm tăng giá trị toàn tập đoàn theo kiểu 1+1=10.

Nếu TĐKT của VN cũng được hình thành như thế có lẽ chắc phải còn lâu lắm do lẽ chúng ta còn thiếu quá nhiều nền tảng thể chế cần thiết của một nền kinh tế thị trường để các tập đoàn ra đời theo đúng quy luật.

Nhưng các nhà hoạch định chính sách thì lại mong muốn VN có những tập đoàn mạnh đủ sức đương đầu với những thách thức trong quá trình hội nhập. Với ý nghĩa đó, có thể cảm thông phần nào cho chủ trương hình thành ào ạt một số TĐKT, bất chấp những quy luật tự nhiên vốn có. Các TCT trở thành tập đoàn, trong lĩnh vực tài chính ngân hàng cũng sẽ có tập đoàn tài chính ngân hàng, thậm chí mới đây Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP.HCM với 100% vốn nhà nước cũng dự định khoác cho mình chiếc áo tập đoàn. Hội chứng tập đoàn là thế.

TĐKT của ta ra đời trong một bối cảnh có đặc thù rất riêng biệt "theo kiểu VN", đó là TĐKT quốc doanh và được hình thành bằng một mệnh lệnh hành chính cao độ từ Chính phủ. Như quyết định của Chính phủ trong đề án thành lập tập đoàn bưu chính viễn thông chẳng hạn, tập đoàn được hình thành trên cơ sở "sắp xếp, tổ chức lại" TCT và các đơn vị thành viên (chứ không phải bằng các quá trình mua lại, hợp nhất hay thôn tính lẫn nhau trên cơ sở kinh tế) và hầu hết 100% vốn điều lệ ở những công ty trong tập đoàn là phần của Nhà nước, những

công ty ít quan trọng hơn là trên 50% và ít quan trọng nhất thì dưới 50%.

Các tỷ lệ này cũng chẳng biết dựa trên một cơ sở khoa học và thực tiễn nào, chỉ biết nó ấn tượng nhất bởi những đại lượng toán học số lớn: luôn trên 50% đến 100% về phía Nhà nước để tuân theo một lối tư duy vô cùng lạc hậu về vai trò chủ đạo của Nhà nước thể hiện qua những con số định lượng. Rồi từ mẫu này, người ta sẽ nhân bản vô tính ra hàng loạt các tập đoàn khác trong tương lai. Chưa hết, các TCT nòng cốt và hầu hết các thành viên tương lai trong gia đình tập đoàn lại có một nền tảng xuất phát là làm ăn kém hiệu quả, thua xa so với các thành phần kinh tế khác.

Rồi không hiểu sao trong tập đoàn lại có cả những công ty hoạt động công ích? Nhưng mà thôi, điều này không quan trọng và có gì lạ đâu bởi đây là những TĐKT "quốc doanh" cơ mà.

Thôi thì cũng cố mà thông cảm với cách làm trên vì có lẽ không còn cách nào khác hơn trong bối cảnh hiện tại. Nhưng cho dù có là đặc thù kiểu VN hay là gì gì đi chăng nữa, về mặt bản chất chúng cũng không thể khác với các TĐKT trên thế giới.

Vấn chưa ai hình dung được diện mạo tập đoàn, thậm chí cả với người trong cuộc

Dưới tựa đề "Sân chơi bình đẳng", báo cáo của WB năm 2002 đã đặt vấn đề rằng: Với một số vốn quá lớn tập trung

vào một vài tập đoàn quốc doanh trong khi mà bản chất của một TĐKT trên thế giới lại là một cái gì đó khác rất xa với những gì mà các tập đoàn của VN hiện đang sở hữu, liệu có làm cho chủ trương hình thành các tập đoàn quốc doanh đã có đủ cơ sở lý luận lẫn thực tiễn hay chưa? So với một nền kinh tế có mô hình tập đoàn tương đối vừa phải và chỉ mới đạt chuẩn tập đoàn ở mức độ thấp là Trung Quốc như đã phân tích ở phần trên, chúng ta vẫn chưa thể nhận diện được một cách đầy đủ diện mạo mô hình tập đoàn VN.

Theo WB, bản chất của một tập đoàn ngay từ cái nhìn đầu tiên phải được quyết định bởi những chuẩn mực kế toán quốc tế IAS trong khi TĐKT của ta lại tuân theo chuẩn mực kế toán nội địa. Sau đó là những vấn đề liên quan đến cơ chế quản trị tập đoàn; cơ chế giám sát; các thủ tục pháp sản và các vấn đề liên quan đến cơ cấu sở hữu; vấn đề đầu tư của tập đoàn ra bên ngoài và đặc biệt là ra nước ngoài. Những vấn đề thuộc về bản chất như trên, hiện nay vẫn hoàn toàn mơ hồ đối với các TĐKT VN. Đến việc đơn giản nhất là vấn đề thuê giám đốc mà chỉ mới là giám đốc trong nước thôi chứ chưa nói đến giám đốc nước ngoài, cho đến giờ vẫn chưa có hướng ra, làm sao nói đến cơ chế quản trị hiện đại trong tập đoàn được. Có lẽ là như thế cho nên ngoại trừ tập đoàn bưu chính viễn thông vừa mới vội vàng có quyết định thí điểm còn các TCT khác hiện vẫn còn lúng túng không có hướng ra trong xây dựng mô hình tập đoàn.

TĐKT của ta là như thế nào? thậm chí đã có rất nhiều buổi hội thảo của các viện nghiên cứu và một tờ báo điện tử đã mở hẳn một chuyên mục về chủ đề này. Các chuyên gia nước ngoài đã tỏ ra bối rối và chẳng có ai tư vấn để chỉ ra được một mô hình nào khả dĩ bởi tập đoàn của ta hình thành trên cơ sở các quyết định hành chính chủ quan chưa có tiền lệ trên thế giới nên chẳng ai dám bạo gan mất uy tín để tư vấn điều gì cụ thể.

Sau nhiều năm thảo luận, ý kiến hay nhất và có lẽ là thú vị nhất là từ phía các chuyên gia nước ngoài, tựu trung lại cũng chỉ là lời khuyên người trong cuộc hãy "tĩnh táo" trong việc tập đoàn hóa, trước mắt là 6 TĐKT và cũng chỉ có một cơ sở thực tiễn duy nhất cho lời khuyên này khi họ so sánh VN với Trung quốc:

TQ khổng lồ như thế nhưng cũng chỉ mới có khoảng 3-4 tập đoàn mà thôi.

Thêm một dạng rủi ro mới cho nền kinh tế

Rủi ro thì nhiều nhưng rủi ro có thể dự báo trước được là liệu rồi đây: các TĐKT quốc doanh có đường đầu nổi với các cơn bão tài chính hay không? Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 đã đánh tan nát các Chaebol của Hàn quốc tuy khổng lồ nhưng trình độ quản lý thì còn nhiều bất cập. Trong khi đó với quy mô nhỏ hơn, các công ty của Đài Loan đã tồn tại và vượt qua cơn bão tài chính một cách ngoạn mục.

Với một số vốn quá lớn mà toàn bộ nền kinh tế tập trung vào hàng loạt các tập đoàn mà hầu như chưa có ai hình dung được diện mạo của chúng như thế nào kể cả người trong cuộc thì một cuộc khủng hoảng tài chính khu vực, hoặc một cú sốc lớn như cú sốc tăng giá dầu hỏa hoặc một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài nếu xảy ra chắc chắn sẽ có tác động rất nghiêm trọng đến nền kinh tế nước ta và có khả năng làm cho hàng triệu người sẽ phải rơi vào cảnh đói nghèo như từ những vụ phá sản tập đoàn các quốc gia trên thế giới đã từng trải qua.

Đặc biệt trong bối cảnh mới hiện nay ở VN, đó còn là rủi ro tham nhũng diễn ra ở các TCT lớn. Cuộc khảo sát do WB tiến hành từ tài liệu "Chống tham nhũng ở Đông Á" (2004) đã cho thấy: quy mô doanh nghiệp càng lớn, tình trạng tham nhũng càng khó kiểm soát và điều này đã làm gia tăng đáng kể đến chi phí kinh doanh và làm giảm đi sức cạnh tranh của các tập đoàn. Như vụ ra mắt trình làng thiên hạ của ngành bưu chính viễn thông ngay sau ngày khai sinh ra đề án tập đoàn VNPT đầu tiên của VN: vụ tham nhũng nâng giá các thiết bị viễn thông lên gấp 45 lần, mà khi hỏi ra thì các lãnh đạo của tập đoàn tương lai đều trả lời là không ai biết? Đó là chưa kể đến hiện nay, hoàn toàn không có cơ chế giám sát các khoản đầu tư trong nội bộ TCT và liên doanh với các công ty nước ngoài, mà điển hình là vụ hình thành "công ty gia đình" liên kết với công ty nước ngoài để gian lận và giao dịch nội gián trong vụ điện kế điện tử của TCT điện lực, tiền thân của tập đoàn EVN sau này.

Cơ chế giám sát là như thế nào khi mà có cả Trung tâm thẩm định giá của Bộ tài chính tham gia vào quá trình kiểm định này mà lại còn như thế thì đúng thật là các "tập đoàn trưởng" của ta tài thật. Chỉ mới khởi động làm tập đoàn và cũng chỉ mới ở một quy mô chưa gọi là lớn lắm mà vẫn chưa hình thành được cơ chế giám sát thích hợp các giao dịch nội gián và tham nhũng. Thử hỏi sau này bằng những hỗ trợ vốn từ phía Nhà nước để hình thành nên những tập đoàn quốc doanh khổng lồ, với những vụ tham nhũng lớn hơn thì làm sao lần ra chứng cứ?

Tạo thêm sức cạnh tranh chứ không phải trở thành một siêu độc quyền mới

Với tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước chiếm tuyệt đối và bằng những phương thức can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp từ phía Chính phủ, người dân và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác vẫn còn phải "kỵ sinh" dài dài vào các tập đoàn độc quyền khi họ không thể tự quyết định chất lượng và mức giá sản phẩm hoặc dịch vụ do các tập đoàn độc quyền cung ứng. Thực tế đã cho thấy, mặc dù bị phản ứng mạnh mẽ từ phía người tiêu dùng và Chính phủ cũng không đồng ý, nhưng EVN vẫn thường xuyên thuyết phục cho phép được triển khai cái gọi là lộ trình tăng giá điện với những lý lẽ rất thiếu sức thuyết phục là cần phải huy động khoảng 15% nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển ngành điện. Đã vậy chất lượng dịch vụ do EVN cung cấp lại quá tồi và khả năng dự báo quá yếu kém khi để xảy ra tình trạng cúp điện triền miên mỗi khi mùa khô hàng năm lại đến.

Tăng giá và giảm chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ mà đáng lý phải là tăng hiệu quả hoạt động để tăng đầu tư, đích thị chỉ có những siêu tập đoàn độc quyền mới tiến hành theo cách này. Suy nghĩ như thế thì thôi, khỏi cần phải nghĩ đến cơ chế quản trị hiện đại và cơ chế giám sát trong tập đoàn, khỏi cần đến thuê tổng giám đốc vì như thế thì ai mà không làm lãnh đạo tập đoàn được.

Thực tế cuộc sống cho thấy, cùng với quá trình hình thành nên các TĐKT, có lẽ đã đến lúc phải nhìn nhận thực tế rằng: ngoại trừ ngành dầu khí, cách duy nhất để tạo ra đối trọng với các TĐKT

quốc doanh và làm tăng thêm sức cạnh tranh cho nền kinh tế là phải tiến hành tự do hóa và mở cửa thị trường nước ngoài cho tất cả các sản phẩm và dịch vụ (viễn thông, điện lực, hàng không v.v.) mà các TĐKT quốc doanh cung cấp.

Giải pháp phát triển tập đoàn kinh tế

Trong bối cảnh các thể chế của một nền kinh tế thị trường chưa được hình thành đồng bộ hoặc tuy đã hình thành nhưng vẫn còn nhiều bất cập, tính thận trọng phải là điểm nhấn đầu tiên cần phải quán triệt khi hình thành các tập đoàn. Nhà nước chỉ nên tập trung vào việc hình thành trước mắt tối đa chỉ là hai tập đoàn và cùng với đó là đoạn tuyệt hoàn toàn với lối tư duy hành chính theo kiểu "gom quân" lại để tạo thành tập đoàn, trước mắt cần phải triển khai các giải pháp sau:

- Không để tồn tại đan xen những công ty hoạt động công ích như trong mô hình tập đoàn bưu chính viễn thông mà Chính phủ đã phê duyệt. Các mối liên kết trong tập đoàn không thể nào tồn tại đan xen vào đó những công ty hoạt động công ích. Những kết quả hoạt động kinh doanh yếu kém từ các tập đoàn cho dù là nguyên nhân gì đi chăng nữa sẽ dễ dàng có cơ để cho các vị lãnh đạo tập đoàn quy cho phải làm thêm nhiệm vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp công ích.

Trong lĩnh vực ngân hàng, nền kinh tế đã từng phải trả những cái giá khá đắt cho mô hình "kế hoạch kinh tế - xã hội". Các quyết định kinh doanh của ngân hàng luôn bị chi phối bởi các chỉ đạo của Chính phủ bằng các quyết định hành chính trong việc cho vay ưu đãi đối với các DNNN. Theo những cam kết trong lộ trình hội nhập, ngành ngân hàng đã tiến hành tách các dạng ngân hàng "công ích" này ra khỏi hệ thống ngân hàng thương mại bằng cách hình thành những ngân hàng chính sách. Chỉ có như thế, ngành ngân hàng hiện nay mới từng bước thoát khỏi những ràng buộc bởi những quyết định mang tính chất xã hội. Các chuyên gia nước ngoài đã khuyên chúng ta rằng hãy cân nhắc thật kỹ lưỡng mô hình tập đoàn khi mà các kế hoạch kinh doanh của tập đoàn vẫn còn bị chi phối nhiều bởi các kế hoạch xã hội.

- Phải hình thành nên những cơ chế

để kiểm soát cho bằng được độc quyền bằng cách thúc đẩy cạnh tranh. Trong bối cảnh người dân còn có khả năng phải sống chung với độc quyền trong nhiều năm nữa – lãnh đạo ngành điện lực đã tuyên bố rằng ít nhất ngành này cũng phải còn độc quyền trong vòng 30 năm nữa – thì bất kỳ những đầu tư tích lũy nào của nhà nước từ trước đến nay trong cơ sở hạ tầng cho các ngành độc quyền đều phải tách riêng ra thành một công ty riêng và kinh doanh độc lập hoàn toàn với các tập đoàn. Trước mắt là tách hẳn hệ thống hạ tầng cơ sở đường trục trong ngành bưu chính viễn thông ra thành một doanh nghiệp độc lập với tập đoàn bưu chính viễn thông. Điều này sẽ tạo điều kiện để cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác ra đời tham gia khai thác đường trục cạnh tranh bình đẳng với TĐKT quốc doanh.

- Xây dựng hệ thống các qui định pháp luật và chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp và ra nước ngoài của TĐKT. Nhà nước chỉ nên tạo điều kiện tối đa để các tập đoàn hình thành và ra đời theo đúng với quy luật thông qua các chính sách và luật lệ thống nhất.

- Để trở thành chuẩn tập đoàn, điều kiện đầu tiên và tiên quyết là các TĐKT phải áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS thay vì là các chuẩn mực kế toán-VN. Đây được xem như là một trong những giải pháp bắt buộc làm tăng thêm tính minh bạch trong các báo cáo tài chính của TĐKT theo những tiêu chuẩn quốc tế. Quy định này chắc chắn sẽ làm hạn chế đáng kể tình trạng tham nhũng diễn ra trong các tập đoàn và do đó làm tăng thêm tính minh bạch để tiến tới niềm yên tâm cổ phiếu của các TĐKT ra thị trường chứng khoán quốc tế.

- Trước mắt cần phải có những chính sách riêng đối với các công ty được lựa chọn phát triển thành tập đoàn mà trong đó phải đặc biệt ưu tiên theo hướng phát triển các TĐKT tư nhân song song với phát triển các TĐKT quốc doanh. Những chính sách này liên quan đặc biệt đến các chính sách phân phối, chính sách thuế, cơ chế bảo lãnh tín dụng tập đoàn cùng với các chính sách khác về đất đai. Chẳng hạn, Chính phủ Trung Quốc đã hỗ trợ cho tập đoàn

dầu khí quốc gia CNOOC vay 8,5 tỷ đôla trong vòng 30 năm với lãi suất 3,5% để có thể mua được Unocal của Mỹ.

- Chính sách đối với thương hiệu của tập đoàn: thống nhất thương hiệu khi chuyển từ TCT sang tập đoàn, sửa đổi chính sách tài chính liên quan đến xây dựng thương hiệu. Để có thể có những thương hiệu mang tầm mức quốc tế, chính sách liên kết giữa tập đoàn kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác là rất quan trọng. Liên kết là thuật ngữ thường được sử dụng gần đây đối với các doanh nghiệp VN trong các chiến lược phát triển thương hiệu tầm cỡ quốc tế. TĐKT phải trở thành lực lượng chủ lực và tiên phong trong việc liên kết các doanh nghiệp lại với nhau để thực hiện chiến lược dài hạn này.

- Ngoài ra Chính phủ cần phải khẩn trương ban hành các chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình DN để tạo tiền đề hình thành tập đoàn; chính sách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng công ty mẹ đại diện

tập đoàn để sử dụng có hiệu quả năng lực của toàn bộ các DN thành viên.

Kết luận

Tập đoàn ở các nước trên thế giới hình thành tự nhiên giống như sự phát triển của một con người, phải trưởng thành qua từng giai đoạn. Ở VN thì lại khác, chúng lại được nhân bản vô tính ngay để trở thành hàng loạt người khổng lồ chân đất sét và được đem ra đường đấu với các thách thức. Thành công hay không thì chưa biết chắc nhưng có điều rủi ro thì quá lớn. Xét theo quan điểm kinh tế, đây là quyết định không khôn ngoan. Vậy thì hãy nên cân nhắc kỹ lại lời khuyên: nếu quá bức xúc, chỉ nên hình thành một hoặc tối đa là hai TĐKT thí điểm mà thôi và hãy tỉnh táo lại trước khi quá muộn bởi hội chứng tập đoàn ■

Tài liệu tham khảo:

- Trần Ngọc Thơ, Hội chứng tập đoàn kinh tế, báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 26.6.2005.
- Quyết định số 58 /2005/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đề án thí điểm thành lập tập đoàn bưu chính viễn thông.
- "Sân chơi bình đẳng", báo cáo của WB năm 2002.

(Tiếp theo trang 5)

Tập đoàn kinh tế ...

Về mặt chính sách, nhà nước cần nhanh chóng bổ sung các quy định cơ sở đối với việc hình thành tập đoàn, minh bạch hóa vấn đề sở hữu trong tập đoàn, hướng việc giải quyết mối quan hệ giữa các thành viên trong công ty mẹ - công ty con thông qua cơ chế đầu tư vốn... Cụ thể, cần thực hiện các giải pháp chính như sau: Thứ nhất, xây dựng hệ thống các qui định pháp luật và chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và liên kết kinh doanh chẳng hạn như đa dạng hóa sở hữu, thị trường chứng khoán, công ty tài chính, cạnh tranh, chống độc quyền, địa vị pháp lý của tập đoàn kinh tế; quản lý, kiểm soát tập đoàn kinh tế... Thứ hai, có chính sách riêng đối với các công ty được lựa chọn phát triển thành tập đoàn trong các vấn đề như phân phối lợi nhuận, thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ chế bảo lãnh tín dụng tập đoàn... Thứ ba, ban hành chính sách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, chẳng hạn như công ty mẹ đại diện tập đoàn sử dụng

năng lực của toàn bộ các doanh nghiệp thành viên. Thứ tư, có chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp để tạo tiền đề vững chắc cho quá trình hình thành tập đoàn.

Và cuối cùng, cần thiết hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực để quản lý mô hình kinh tế đầy mới mẻ này. Nếu không có đội ngũ quản lý giỏi thì dù các chủ trương chính sách có hoàn thiện đến đâu cũng khó gặt hái được thành công. Suy cho cùng mọi thành công đều có yếu tố con người quyết định, đặc biệt là người đứng đầu ■

Chú thích

- (1) Nguồn: Ban Chỉ đạo và đổi mới doanh nghiệp Trung ương
- (2) Báo cáo của Ban cán sự Đảng chính phủ
- (3) Xem bài trả lời phỏng vấn của Trần Tiến Cường, Trưởng Ban nghiên cứu cải cách và phát triển doanh nghiệp đăng trên báo Hải Quan số 26 năm 2005

Tài liệu tham khảo chính

- Lê Hồng Hạnh (2004), Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Vũ Huy Từ và cộng sự (2002), Mô hình tập đoàn kinh tế trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Phan và cộng sự (1996), Thành lập và quản lý các tập đoàn kinh tế ở VN, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.